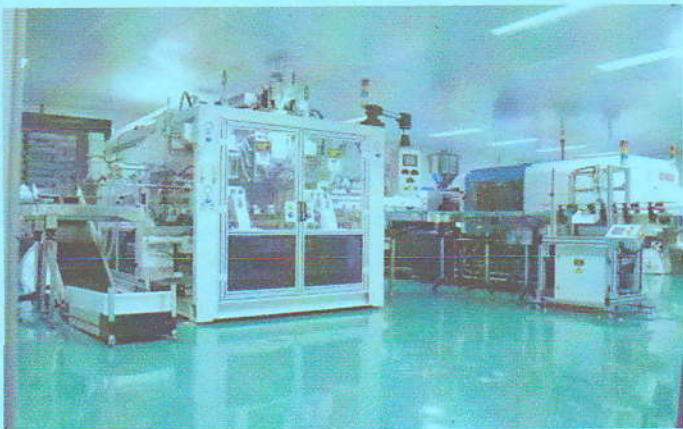


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



NỘI DUNG

TPP 2016

| | |
|-----------------------------|---|
| Thư gửi cổ đông | 3 |
| Các chỉ số nổi bật 2016 | 4 |
| Hoạt động nổi bật 2014-2016 | 5 |
| Kết quả tài chính 2014-2016 | 6 |

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

| | |
|----------------------------------|----|
| Lịch sử hình thành và phát triển | 8 |
| Thông tin vốn cổ phần | 9 |
| Cơ sở hạ tầng | 10 |
| Lĩnh vực kinh doanh | 10 |
| Chiến lược phát triển | 11 |
| Phân tích hoạt động kinh doanh | 12 |
| Triển vọng và kế hoạch năm 2017 | 14 |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|--|----|
| Mô hình quản trị | 16 |
| Nhân sự chủ chốt HĐQT, BTGD, BKS | 17 |
| Thông tin về hoạt động HĐQT | 19 |
| Thông tin về hoạt động BKS | 22 |
| Giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD | 22 |
| Cơ cấu cổ đông | 23 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|---|----|
| Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán | 24 |
|---|----|

THƯ GỬI CỔ ĐÔNG

Kính gửi **Quý Cổ đông,**

Năm 2016 là năm bước ngoặt thay đổi lớn đối với Nhựa Tân Phú. Lợi nhuận tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng 10,9% so với cùng kỳ mặc dù doanh thu giảm do thoái vốn CTCP Tân Phú Sài Gòn, CTCP Nhựa Tân Phú Miền Trung và giải thể CN Hà Nội, CN Lao Bảo. Bối cảnh vĩ mô thuận lợi, cam kết với trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên và tái cấu trúc toàn bộ công ty là những nét chính trong bức tranh chung.

Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng trong năm 2016 như GDP tăng 6.21%, tình hình thanh khoản dồi dào, các yếu tố kinh tế vĩ mô thuận lợi, từ cuối tháng 9, mặt bằng lãi suất điều chỉnh giảm 0,3-0,5% ở các kỳ hạn. Tại Công ty lãi suất giảm so với 2015 và khá ổn định đã có tác động tích cực tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoại trừ, diễn biến của tỷ giá những tháng cuối năm 2016 và đầu 2017 tỷ giá tăng cao, gây ảnh hưởng đến công tác nhập khẩu của công ty do nguyên liệu chính của chúng ta cơ bản phải nhập khẩu và giá dầu, nguyên liệu cuối năm có xu hướng tăng.

Việc trở thành Công ty thành viên của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai (DNP corp); Sự hợp tác toàn diện, gắn bó với Nhựa Đồng Nai đã giúp chúng ta có nguồn vốn đầy mạnh đầu tư thay thế, đầu tư mới máy móc thiết bị, khuôn mẫu hiện đại và hoàn thiện dự án sản xuất phụ kiện uPVC tạo đà cho việc thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng trưởng vượt bậc tương ứng là 44,7% và 57% so với năm 2016.

Kết thúc năm 2016 và khởi đầu năm 2017 với nhiều hoài bão và kế hoạch lớn, tuy nhiên mô hình, đội ngũ quản trị và điều hành của chúng ta vẫn còn đang trong thời kỳ quá độ, đang hoàn thiện dần. Tổ chức xây dựng mô hình quản trị sản xuất theo mô hình của Nhật Bản là một trong những giải pháp để thực hiện mục tiêu cho năm 2017.

Con người là nhân tố quyết định tăng trưởng và phát triển bền vững, nhiệm vụ quan trọng nhất của Hội đồng quản trị là làm hết sức để thu hút được nhân tài “phù hợp”, tạo lập và duy trì một môi trường làm việc cạnh tranh lành mạnh, hiện đại, hội nhập với cam kết và trách nhiệm cao của tất cả các bên tham gia. Chúng ta cần các bước đi tất, cụ thể và có tính chất đón đầu. Do vậy, thông điệp chiến lược cho năm 2017 tiếp tục là “Tăng trưởng nhanh và hướng tới cải thiện yếu tố bền vững” cả về con người lẫn môi trường.

NGÔ ĐỨC VŨ



Chủ tịch HĐQT

Ngày 10 tháng 03 năm 2017

1 CÁC CHỈ SỐ NỔI BẬT 2016

501,5 tỷ

Doanh thu



19,3 tỷ

Lợi nhuận



102,8 tỷ

Vốn chủ sở hữu



376,8 tỷ

Tổng tài sản



587

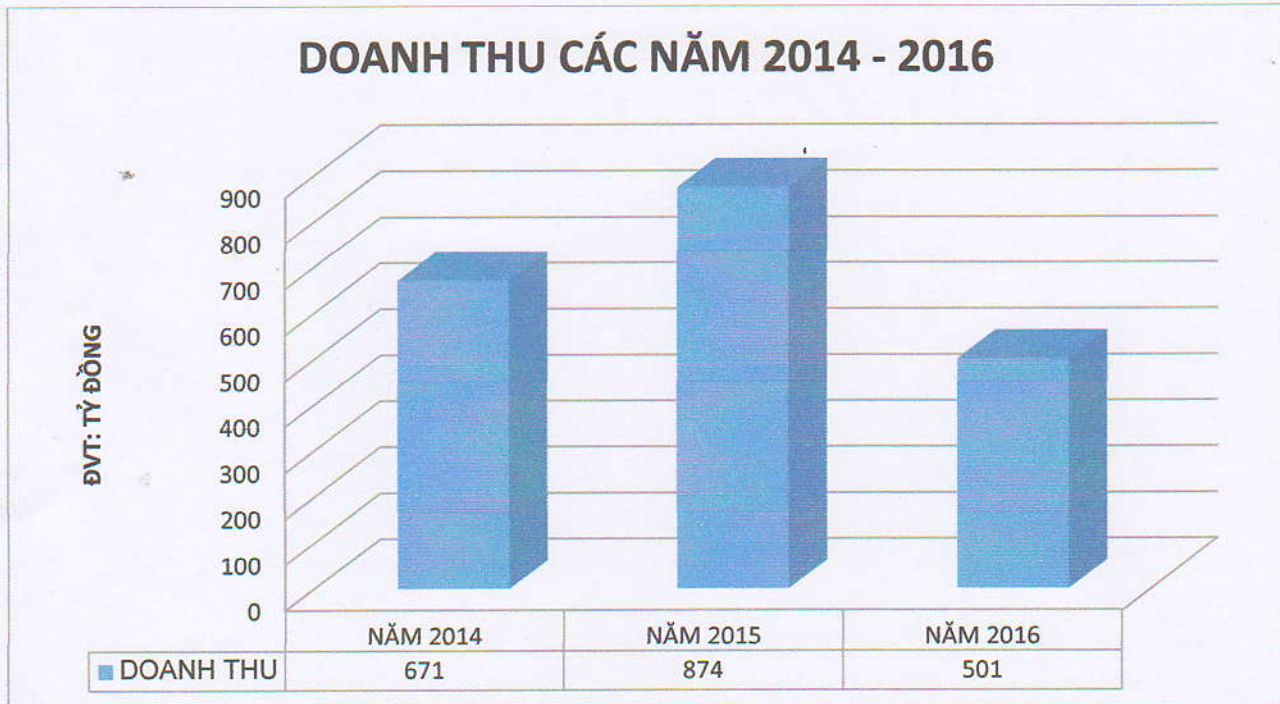
Cán bộ công nhân viên



03 Nhà máy sản xuất

Cơ sở hạ tầng





Mức tăng trưởng doanh thu năm 2016 giảm so với năm 2014, 2015 là do giảm phần doanh thu thương mại của Công ty Tân Phú Sài Gòn, CN Hà Nội, CN Lao Bảo. Năm 2016, thực hiện theo chủ trương của HĐQT về việc tập trung vào các đơn vị sản xuất chính như: CN Long An, CN TP. Hồ Chí Minh và Chi nhánh Bắc Ninh.

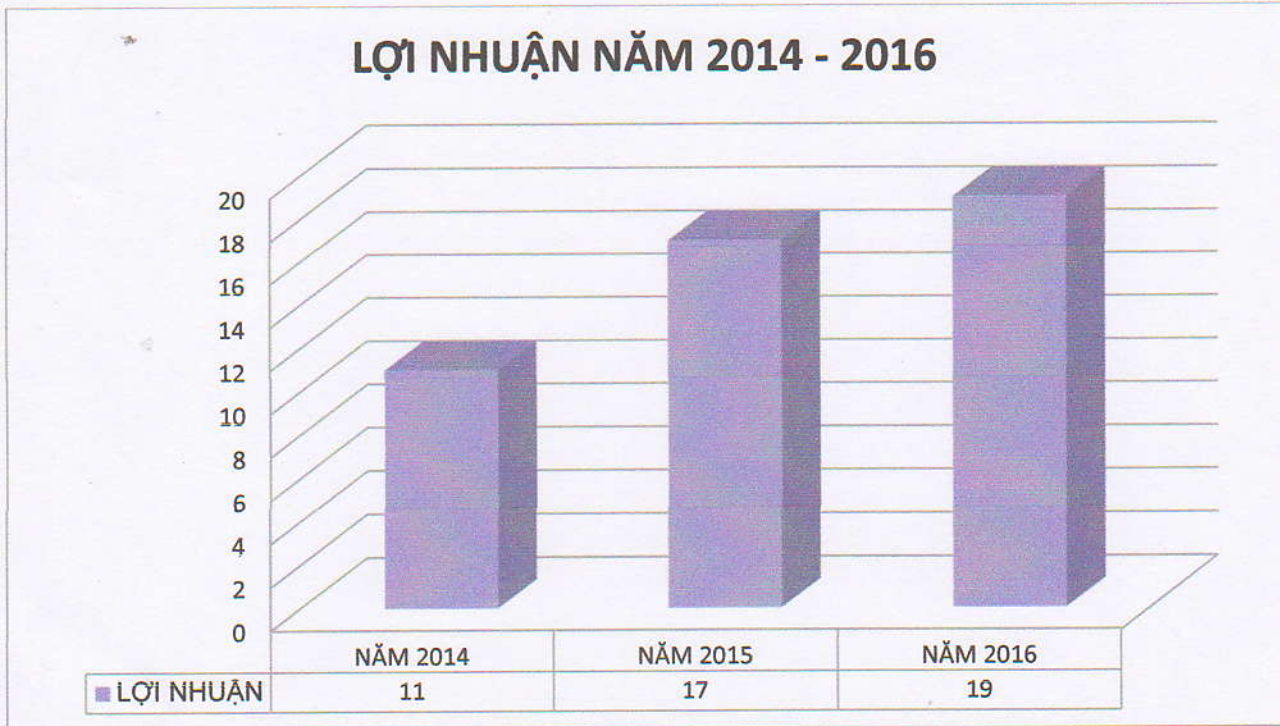
Năm 2014: Trên nền tảng lịch sử là doanh nghiệp sản xuất nhựa với trên 30 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành nhựa, cơ sở hạ tầng, dây chuyền thiết bị đã được đầu tư tốt, đội ngũ sản xuất có tay nghề. Đội ngũ nhân sự chủ chốt trong Hội đồng Quản trị và Ban điều hành với khao khát, đam mê cống hiến và trình độ quản trị tiên tiến đã mang lại bước ngoặt công ty trong giai đoạn phát triển mới.

Năm 2015: Đạt tăng trưởng 30% do Công ty ra sức cải thiện điều kiện và trang thiết bị sản xuất. Đầu tư vào hoạt động thương mại.

Năm 2016: Kết quả thực hiện năm 2016 không đạt kế hoạch đề ra do kế hoạch năm 2016 bao gồm doanh thu của các đơn vị trực thuộc là chi nhánh Hà Nội, chi nhánh Lao Bảo, Công ty Tân Phú Miền Trung từ giữa năm 2016 nên doanh thu 6 tháng cuối năm 2016 không còn doanh thu của các đơn vị này.

TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ĐVT: Tỷ đồng



Sản xuất ổn định ở mức sản lượng cao, thị trường được phát triển mạnh là các yếu tố mang lại kết quả tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng liên tục trong giai đoạn 2014-2016. Phản ánh chất lượng và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐVT: Triệu đồng

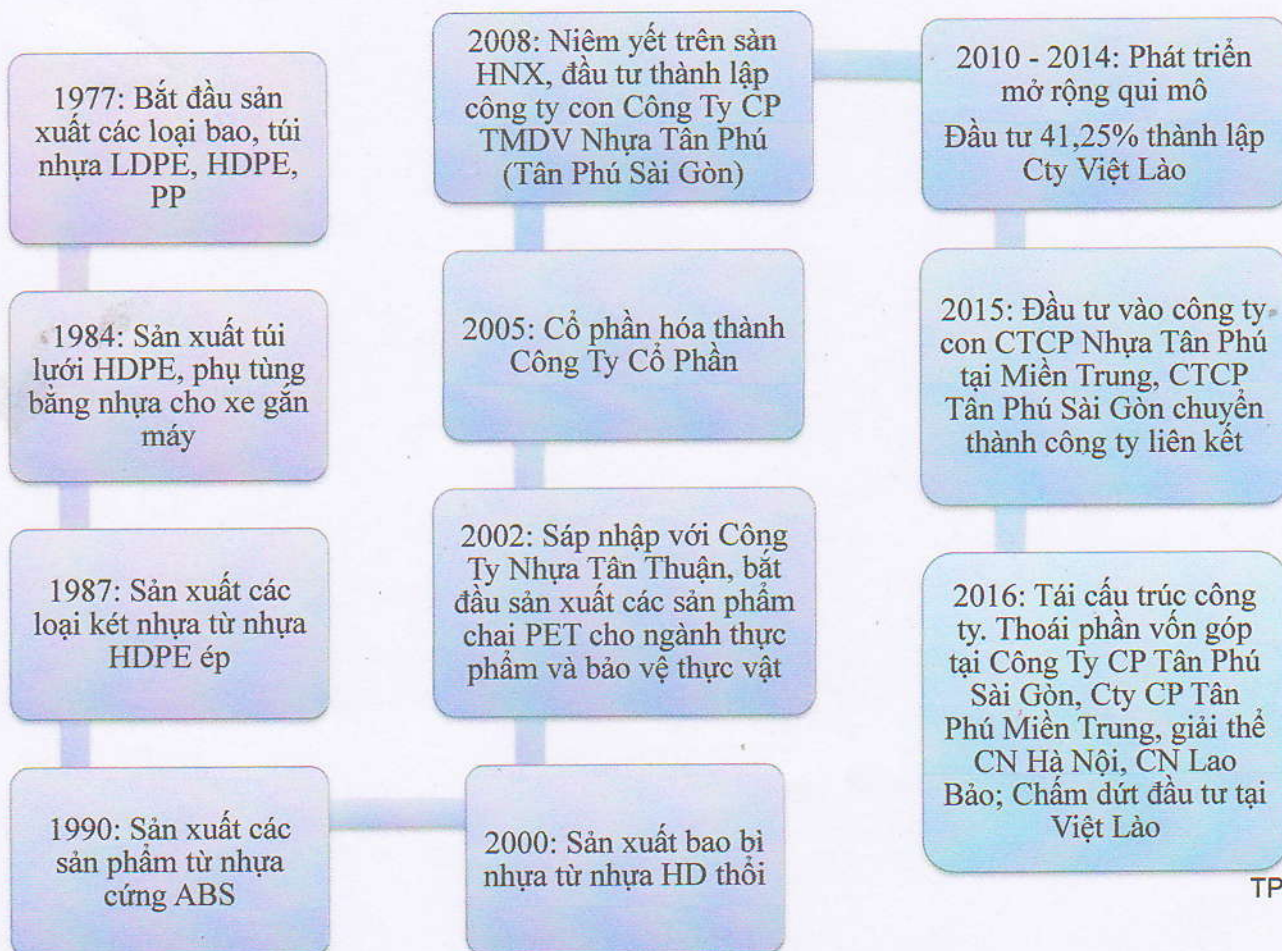
| STT | CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN | 2014 | 2015 | 2016 |
|-----|-----------------------------|---------|---------|---------|
| 1 | Doanh thu | 671,874 | 874,387 | 501,536 |
| 2 | EBITDA | 55,625 | 68,680 | 68,146 |
| 3 | EBIT | 32,995 | 40,437 | 37,379 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế (PAT) | 11,352 | 17,436 | 19,335 |

| | | | | |
|----|---------------------|---------|---------|---------|
| 5 | EBITDA % | 8.3% | 7.9% | 13.6% |
| 6 | PAT % | 1.7% | 2.0% | 3.9% |
| 7 | Vốn điều lệ | 52,997 | 59,997 | 65,995 |
| 8 | Vốn chủ sở hữu | 76,357 | 91,044 | 102,810 |
| 9 | Tài sản ngắn hạn | 221,207 | 190,892 | 201,324 |
| 10 | Tài sản dài hạn | 95,699 | 113,473 | 175,534 |
| 11 | Nợ ngắn hạn | 194,768 | 155,745 | 189,939 |
| 12 | Nợ dài hạn | 45,781 | 57,576 | 84,109 |
| 13 | Khả năng thanh toán | 1.14 | 1.23 | 1.06 |
| 14 | EPS | 1,913 | 2,811 | 2,913 |

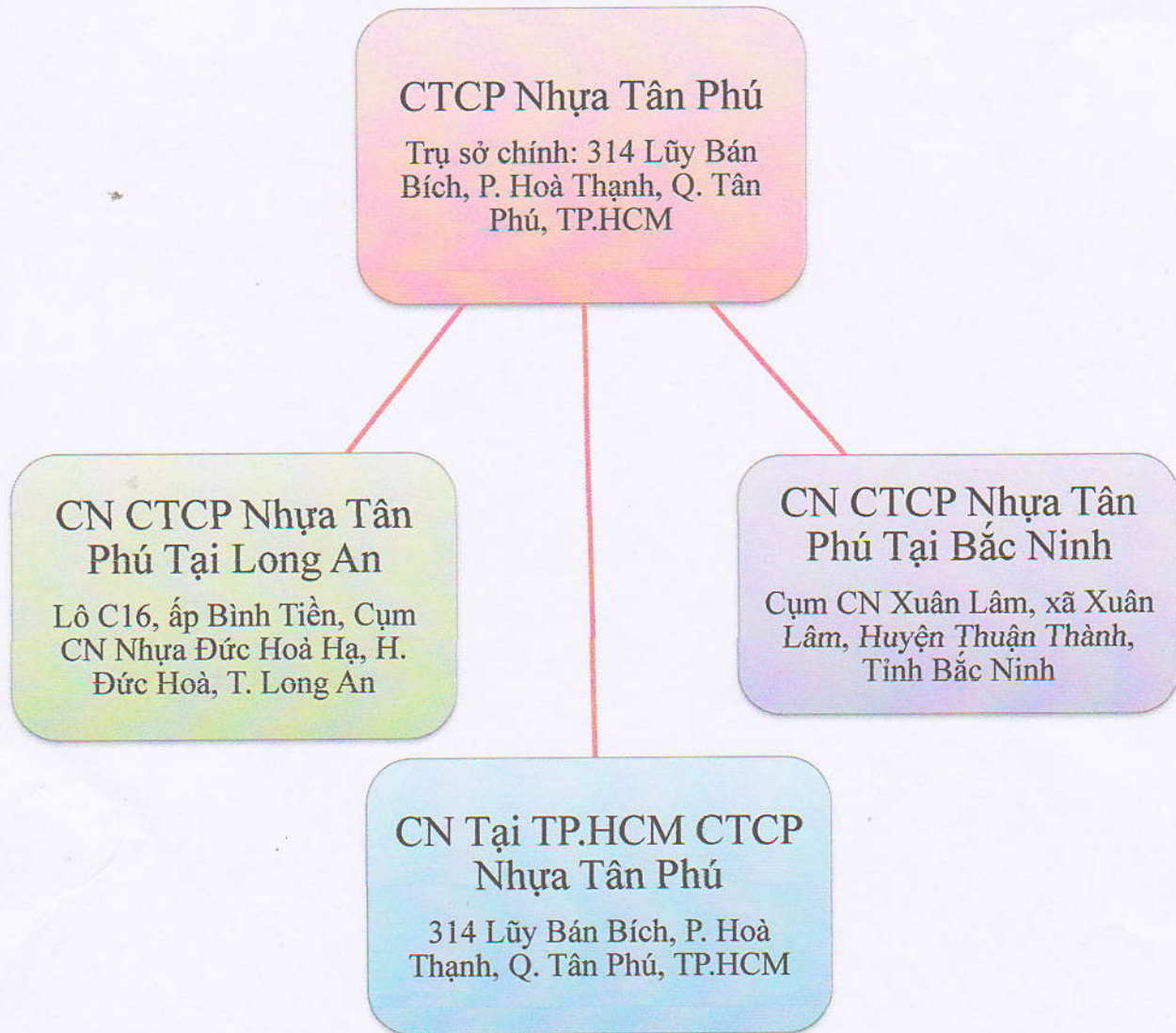
4 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

| | |
|---------------------------|--|
| Tên công ty | : Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú |
| Tên giao dịch | : TanPhu Plastic Joint Stock Company |
| Ngày thành lập | : 1977 |
| Vốn điều lệ | : 65.995.510.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | : 65.995.510.000 đồng. |
| Địa chỉ | : 314 Luỹ Bán Bích, P. Hoà Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM. |
| Số điện thoại | : 08.38654133 |
| Số fax | : 08.38607622 |
| Website | : www.tanphuplastic.com |
| Mã cổ phiếu | : TPP |

Quá trình hình thành và phát triển:







- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất các sản phẩm, bao bì nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng.
- Sản xuất phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho chuyên ngành công - nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng. Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa.
- Mua bán hàng gia dụng.

- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa. Mua bán nguyên liệu, vật tư, sản phẩm ngành nông – công nghiệp, xây dựng.
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- In ấn chi tiết trên bao bì.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trong nước: các tỉnh thành khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam
- Nước ngoài: xuất khẩu sang Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Hàn Quốc.

8

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Tiếp tục củng cố tổ chức, phát triển. Kiện toàn bộ máy nhân sự, hoạt động của Công ty mẹ và các chi nhánh.
- Trong thời gian tới nghiên cứu để Công ty có sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm đặc trưng mang thương hiệu nhựa Tân Phú. Từng đơn vị nghiên cứu và thực hiện được sản phẩm đặc thù của đơn vị mình.
- Duy trì đều đặn các cuộc họp HĐQT để phân tích, đánh giá nhằm đề ra mục tiêu, định hướng cho giai đoạn tiếp theo. Duy trì hoạt động của thường trực HĐQT để đôn đốc, kiểm tra và kịp thời giải quyết, chấn chỉnh các hoạt động của Công ty
- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2015 và Chương trình 5S ở toàn bộ các đơn vị.
- Chú trọng việc đào tạo CBCNV, xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty thông qua việc tăng cường và cải tiến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề của lực lượng sản xuất, năng lực chuyên môn của bộ máy nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp hơn để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty. Đảm bảo thu nhập của người lao động được nâng dần lên trên cơ sở phát triển sản xuất, giúp cho người lao động yên tâm và gắn bó với doanh nghiệp.
- Tập trung công tác đầu tư, từng bước đổi mới, thay thế thiết bị, công nghệ; phát huy vai trò của Hội đồng kỹ thuật trong công tác đầu tư; nhằm từng bước tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường, quyết tâm giải bài toán năng suất thông qua đầu tư và các giải pháp cải tiến quản lý khác.
- Tìm đối tác hợp tác và lập phương án đầu tư đất tại 314 Lũy Bán Bích
- Tiếp tục củng cố, phát triển bộ máy kinh doanh, phát triển quảng bá thương hiệu của công ty cổ phần nhựa Tân Phú trên thị trường trong cũng như ngoài nước

I. DOANH THU, LỢI NHUẬN:

➤ Kết quả sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

| T T | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Thực hiện | Năm trước | % kế hoạch | % tăng trưởng |
|-----|----------------------|----------|-----------|-----------|------------|---------------|
| 1 | Doanh thu | 550.000 | 501.000 | 874.000 | 91,09% | 57,32% |
| | CNLA | 255.000 | 239.400 | 232.400 | 93,88% | 103,01% |
| | CNBN | 100.000 | 79.400 | 91.700 | 79,40% | 86,59% |
| | CN HCM | 112.000 | 117.000 | 136.300 | 104,46% | 85,84% |
| | Khác | 83.000 | 65.200 | 413.600 | 78,55% | 15,76% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 12.000 | 21.200 | 21.800 | 176,67% | 97,25% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 9.600 | 19.300 | 17.400 | 201,04% | 110,92% |

- Doanh thu đạt tỷ đồng 501 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do hợp đồng với lớn hết hạn hoặc giảm sản lượng. Bù lại một số khách hàng lớn khác có sản lượng tăng lên, tổng hợp thì doanh số giảm 9% so với kế hoạch. So với năm 2015 doanh số giảm rất lớn, do phần doanh thu kinh doanh của Tân Phú Sài Gòn (đã thoái vốn 100%) và Chi nhánh Hà Nội (đã giải thể).

- Lợi nhuận sau thuế đạt 19,3 tỷ đồng, tăng 201% so với kế hoạch, và tăng 110% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm, Công ty chủ động phân tích, dự báo và mua tồn trữ nguyên liệu ở thời điểm thích hợp, đã mang lại hiệu quả tốt. Ngoài ra, Ban điều hành Công ty chủ động tăng cường rà soát, tiết giảm các chi phí không hữu ích, tinh giản bộ máy gián tiếp... nên hiệu quả SXKD chung tăng lên. Trong năm có một nội dung rất lớn là việc đầu tư liên doanh tại Việt Lào gây thua lỗ liên tục, năm 2016 Công ty chủ động cắt lỗ, hạch toán vào trong kỳ. Nếu không có khoản chi phí này thì lợi nhuận của Công ty sẽ cao hơn nhiều. [x]

II. PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Đơn vị: Triệu đồng

| | | |
|---|------------------|------------------|
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 19,336,202,048 | 19,928,232,705 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 9,647,375,758 | 69,783,664,358 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (21,123,596,050) | (23,527,727,836) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 5,215,988,343 | (46,974,870,676) |

Năm 2016, Công ty đạt mức tiền dương từ hoạt động kinh doanh với mức gần 9,6 tỷ, giảm so với năm 2015 do giảm đi phần doanh thu thương mại của Công ty CP Tân Phú Sài Gòn. Trong năm công ty đã tập trung nhiều vào cải thiện dòng tiền từ hoạt động thông qua việc phân loại khách hàng, đánh giá tín dụng khách hàng và áp dụng nhiều biện pháp đòi nợ, chính sách tín dụng thương mại. Tuy nhiên, công ty đã tiến hành đầu tư mạnh mẽ việc thay thế máy móc thiết bị khuôn mẫu phục vụ cho hoạt động SXKD. Số dư tiền cuối kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2015 do nguồn tiền luân chuyển cho hoạt động kinh doanh giảm sâu.

III. PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN

| Các chỉ tiêu | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|-------|------|------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 1,13 | 1,18 | 1.1 |
| Hệ số thanh toán nhanh: | 0,77 | 0,79 | 0.52 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0.75 | 0.70 | 0.73 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 3,1 | 2,3 | 2,6 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: | 10,45 | 11,6 | 6.6 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,36 | 2,81 | 1.3 |

Các chỉ số khả năng thanh toán của Công ty vẫn duy trì ổn định qua các năm. Chỉ số thanh toán hiện thời duy trì ở mức 1.1. Chỉ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu có tăng nhưng không đáng kể do năm 2016. Công ty tập trung đầu tư mới và thay thế MMTB-KM phục vụ cho hoạt động SXKD, dẫn đến dư nợ tăng do các khoản vay đầu tư. Do đặc thù kinh doanh của công ty nguyên vật liệu chính luôn chiếm tỷ trọng cao trong giá thành ~60% nên khi doanh thu tăng thì tồn kho nguyên liệu, thành phẩm, phải thu do đó tăng theo và các chỉ số này sẽ duy trì ở mức cao.

IV. PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG SINH LỜI

| Các chỉ tiêu | 2014 | 2015 | 2016 |
|---|------|------|-------|
| ROS | 1,70 | 2 | 3.9% |
| ROE | 15,4 | 20,3 | 18.8% |
| ROA | 3,9 | 5,5 | 5.1% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 2,18 | 2,33 | 4.1% |

Các chỉ số sinh lời trên doanh thu đều tăng qua các năm. Chỉ số hiệu quả cũng tăng mạnh. ROE tăng, ROA tăng so với năm 2014 và giảm ít so với năm 2015 không đáng kể. Nguyên nhân tỷ suất sinh lời và hiệu quả tăng lên chủ yếu nhờ việc (i) quy mô sản lượng duy trì mức cao làm cho chi phí cố định giảm/đơn vị sản phẩm, (ii) giá nguyên vật liệu giảm.

Chi phí bán hàng và quản lý mặc dù công ty tiếp tục thực hiện việc tiết kiệm nhưng do quy mô đầu tư về chất lượng tăng lên ví dụ việc tuyển dụng các vị trí nhân sự cao cấp, thành lập thêm phòng thí nghiệm, tăng dịch vụ khách hàng và một phần trích dự phòng 100% nợ khó đòi của Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào... nên chi phí có xu hướng tăng nhẹ.

V. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm 2016 Công ty đầu tư khoảng 150 tỷ, và đã đạt được kết quả: Nhà máy Long An, Bắc Ninh đã được chuẩn hoá, hình thành các xưởng sạch, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, cải thiện môi trường làm việc của lao động, máy móc cũ được thay thế gần như hoàn toàn bằng máy mới hiện đại của các hãng danh tiếng: Toshiba, Woojin, SMC,...; Nhà máy HCM cũng được sắp xếp, hệ thống hoá đảm bảo các tiêu chuẩn cơ bản của khách hàng. Đầu tư thiết bị sản xuất phụ kiện uPVC đặt tại CN.TPHCM, hiện đã đi vào hoạt động. Đầu tư xây dựng nhà xưởng sạch tại chi nhánh Long An, chi nhánh Bắc Ninh. Ngoài ra Công ty đã đầu tư đợt 1 cho xưởng CKKM một số máy gia công cơ khí của Nhật Bản (Mazak, Sodick, Okamoto...) để dần tự chủ trong chế tạo khuôn mẫu.

10 TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017

Tình hình 2017:

- Dự báo tăng trưởng GDP 6,2-6,4 %, lạm phát 5%.
- Nguyên liệu: Từ đầu 2017 giá NL tăng khá nhanh. So với năm 2016, nguyên liệu tăng bình quân 50-70 USD/tấn. Giá dầu được dự báo là sẽ tăng mạnh trong 2017, kéo theo giá nguyên liệu. Đây là thách thức cho hoạt động của Công ty, vốn dựa trên các hoạt động cung ứng sản phẩm bao bì cho các DN lớn, rất khó điều chỉnh giá bán.
- Tỷ giá: Tỷ giá biến động thất thường, nhưng hầu như ở mức cao, ảnh hưởng đến giá đầu vào nguyên liệu nhập khẩu, vốn chiếm tỷ trọng rất lớn trong hoạt động của Công ty. Chưa kể năm 2017 Công ty đầu tư thiết bị nhập khẩu rất lớn (máy ép, máy thổi, máy gia công cơ khí...) nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí đầu tư.
- Nhân công: Nguồn nhân lực hiện nay rất khó khăn cho hoạt động của các Nhà máy. Do cạnh tranh với các DN khác, đặc biệt là khối FDI nên lao động thường xuyên biến động, là nhân tố khó khăn cho SXKD.

► Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:

Chỉ tiêu kế hoạch:

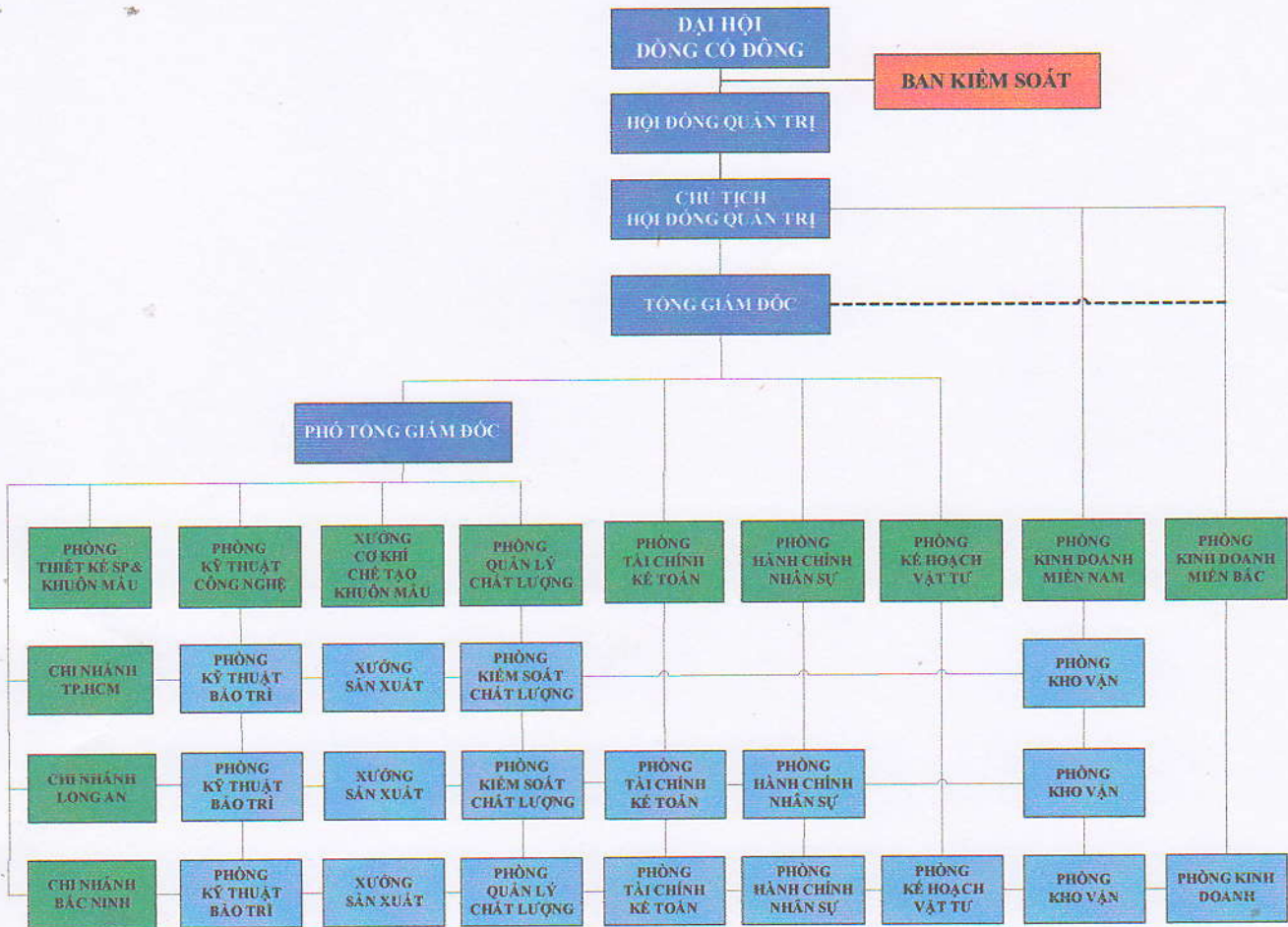
| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2016 | Kế hoạch 2017 |
|-----|---------------------|-------------|----------------|---------------|
| 1 | Doanh thu thuần | Triệu đồng | 499.716 | 723.000 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | Triệu đồng | 398.177 | 573.091 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | Triệu đồng | 101.538 | 149.909 |
| 4 | Doanh thu tài chính | Triệu đồng | 1.298 | 1.878 |

| | | | | |
|----|------------------------------|------------|--------|--------|
| 5 | Chi phí tài chính | Triệu đồng | 14.523 | 20.995 |
| 7 | Chi phí bán hàng | Triệu đồng | 18.393 | 26.461 |
| 8 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | Triệu đồng | 45.846 | 66.331 |
| 10 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 21.189 | 38.000 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 19.335 | 30.400 |

Hiện nay Công ty đã hoàn thiện Xưởng gia công sản xuất phụ kiện PVC, và từ giữa 2017 sẽ sản xuất phụ kiện PPR cho Nhựa Đồng Nai, hứa hẹn gia tăng doanh số so với số kế hoạch nêu trên.

➤ **Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:**

- Đầu tư:
 - + Thay thế các máy cũ bằng máy mới hiện đại;
 - + Đầu tư mới các dòng máy ép, thổi, đùn thổi, thiết bị phụ trợ;
 - + Đầu tư bổ sung cho xưởng 02 HCM để sản xuất phụ kiện PPR;
 - + Đầu tư và xây dựng nhà xưởng CKKM hiện đại;
 - + Tìm thuê đất, XD xưởng mới di dời Xưởng HCM hiện tại khi bắt đầu thực hiện dự án 314 Lũy Bán Bích.
- Nguồn vốn:
 - + Phát hành tăng vốn đáp ứng yêu cầu đầu tư, bằng cách: trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
 - + Đàm phán, ký hạn mức vay trung hạn với lãi suất ưu đãi. Hiện Công ty đang chuẩn bị ký Hợp đồng trung hạn với hạn mức 150 tỷ đồng, với lãi suất tốt hơn so với mặt bằng chung thị trường, hứa hẹn giảm chi phí tài chính đáng kể.
 - + Tiếp tục giải ngân nguồn vốn lưu động giá rẻ từ các ngân hàng hàng đầu (VCB, VIB) với lãi suất bình quân 5-5,5%/năm.
- Thị trường: Tiếp tục duy trì việc cung cấp sản phẩm với sản lượng, chất lượng cao cho khách hàng hiện hữu. Đẩy mạnh tiếp cận khách hàng lớn, khách hàng mới.
- Nhân sự: Tuyển dụng nhân viên cho CKKM, KTBT, thiết kế, KD... để hoàn thiện bộ máy.
- Hệ thống quản lý: Thay đổi, hoàn thiện quy trình quản lý để gia tăng năng lực quản trị rủi ro, quản trị chi phí... Tiến tới hoàn thiện, áp dụng hệ thống ERP trong Công ty.
- Đẩy mạnh thực hiện Phong trào duy trì, cải tiến chất lượng trong toàn Công ty.
- Phong trào xây dựng Nhà máy mô hình Nhật Bản hiện đại, quy củ tại các Nhà máy



❖ Đại hội đồng Cổ đông: Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền.

❖ Hội đồng quản trị: (HĐQT)

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra nhiệm kỳ 5 (năm) năm. ĐHĐCĐ năm 2015 đã bầu mới HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty là 7 thành viên. Đến ĐHĐCĐ năm 2016 đã bầu lại và miễn nhiệm 2 thành viên. Hiện tại HĐQT chỉ còn 5 (năm) thành viên. HĐQT quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

❖ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát của Công ty CP Nhựa Tân Phú gồm 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Năm 2015 đã bầu Ban kiểm soát mới nhiệm kỳ 2015-2020. Đến đại hội năm 2016 đã bầu lại BKS cũng với số lượng 3 (ba) thành viên.

❖ Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc như sau:

- Tổng Giám đốc là người điều hành chung.
- Phó TGD phụ trách sản xuất, kỹ thuật công nghệ.

❖ Các phòng nghiệp vụ:

Đến hết năm 2016, Công ty có 7 phòng nghiệp vụ như sau:

- Phòng Hành chính nhân sự
- Phòng Tài chính kế toán
- Phòng Kế hoạch vật tư
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kỹ thuật công nghệ.
- Phòng Thiết kế khuôn mẫu
- Phòng Quản lý chất lượng

Và Xưởng cơ khí chế tạo khuôn mẫu.

❖ Các Chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An.
- Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

❖ Các Công ty con, Công ty liên kết:

Tính đến ngày 31/12/2016, Công ty đã thoái vốn toàn bộ phần vốn tại Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết như sau:

- Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung:
- Công ty CP Tân Phú Sài Gòn:
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhựa Việt – Lào.

12 NHÂN SỰ CHỦ CHỐT HĐQT, BTGD, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | HỌ TÊN | CHỨC VỤ | TỶ LỆ CP NĂM GIỮ | TƯ CÁCH THÀNH VIÊN |
|-----|--------|---------|---------------------|--------------------|
|-----|--------|---------|---------------------|--------------------|

| | | | | |
|----|------------------|---------------|-------|---|
| 1 | Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch | 0% | CT HĐQT – Từ nhiệm từ 19/08/2016 |
| 2 | Ngô Đức Vũ | Chủ tịch HĐQT | 0% | Bầu mới ngày 17/03/2016 – Bổ nhiệm CT.HĐQT từ ngày 19/08/2016 |
| 3 | Trịnh Tuấn Việt | Phó chủ tịch | 0% | Từ nhiệm vào ngày 17/03/2016 |
| 4 | Ngô Đức Trung | Phó chủ tịch | 5.59% | Miễn nhiệm TV HĐQT vào ngày 17/03/2016 – Bầu mới từ ngày 19/08/2016 |
| 5 | Nguyễn Thị Ly | TV | 0% | Từ nhiệm vào ngày 17/03/2016 |
| 6 | Dương Thái Hùng | TV | 0% | |
| 7 | Phạm Thành Trung | TV | 0% | |
| 8 | Lê Viết Hùng | TV | 0% | TV HĐQT |
| 9 | Vũ Đình Độ | TV | 0% | Bầu mới ngày 17/03/2016 – Miễn nhiệm PCT HĐQT từ ngày 19/08/2016 |
| 10 | Nguyễn Văn Hiếu | TV | 0% | Bầu mới ngày 17/03/2016 |

BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | HỌ TÊN | CHỨC VỤ | TỶ LỆ CP NĂM GIỮ | TƯ CÁCH THÀNH VIÊN |
|-----|---------------|---------|------------------|--------------------|
| 1 | Lê Viết Hùng | TGD | 0% | TGD |
| 2 | Ngô Đức Trung | P.TGD | 5.59% | P.TGD |

| | | | | |
|---|----------------------|---------------------|-------|--|
| 3 | Hồ Công Thiện | P. TGD | 0.03% | Từ nhiệm vào ngày 01/09/2016 |
| 4 | Nguyễn Thị Ly | P.TGD | 0% | Từ nhiệm vào ngày 01/09/2016 |
| 5 | Phạm Thành Thái Lĩnh | P.TGD Kinh Doanh | 0% | Bổ nhiệm vào ngày 01/09/2016 – Miễn nhiệm từ ngày 04/10/2016 |

BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Tỷ Lệ CP Năm Giữ | TƯ CÁCH THÀNH VIÊN |
|-----|----------------------|------------|------------------|-------------------------------|
| 1 | Phan Hồng Quang | Trưởng BKS | 17/03/2016 | Miễn nhiệm từ ngày 17/03/2016 |
| 2 | Nguyễn Tiến Dương | Thành viên | 17/03/2016 | |
| 3 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc | Thành viên | 17/03/2016 | |
| 4 | Trịnh Kiên | Trưởng BKS | 17/03/2016 | Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016 |
| 5 | Trần Kim Dũng | Thành viên | 17/03/2016 | |
| 6 | Võ Thị Minh Ý | Thành viên | 17/03/2016 | |

13 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số lượng các cuộc họp của HĐQT

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------|--------------|--------------------------|---------------|---|
| 1 | Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch | 6 | 6/9 | |
| 2 | Trịnh Tuấn Việt | Phó chủ tịch | 2 | 2/9 | Miễn nhiệm vào ngày 17/03/2016 |
| 3 | Ngô Đức Trung | Phó chủ tịch | 5 | 5/9 | Miễn nhiệm vào ngày 17/03/2016, bổ nhiệm lại 19/08/2016 |
| 4 | Nguyễn Thị Ly | TV | 2 | 2/9 | Miễn nhiệm vào ngày 17/03/2016 |
| 5 | Dương Thái Hùng | TV | 2 | 2/9 | |
| 6 | Phạm Thành Trung | TV | 2 | 2/9 | |
| 7 | Lê Viết Hùng | TV | 9 | 9/9 | |
| 8 | Vũ Đình Độ | TV | 7 | 7/9 | Bầu mới vào ngày 17/03/2016 |
| 9 | Ngô Đức Vũ | Chủ tịch | 7 | 7/9 | |
| 10 | Nguyễn Văn Hiếu | TV | 6 | 6/9 | |

Các nghị quyết, Quyết định của HĐQT

| STT | Số NQ | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------|------------|--|
| 1 | 24/NQ-HĐQT-NTP | 2/3/2016 | Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, thành lập ban tổ chức đại hội. |
| 2 | 38/NQ-HĐQT-NTP | 19/04/2016 | Thống nhất các nội dung về tái cấu trúc Công ty |
| 3 | 39/NQ-HĐQT-NTP | 13/06/2016 | Thống nhất thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn tại Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung. |

| | | | |
|---|------------|------------|--|
| 4 | 45/NQ-HĐQT | 19/08/2016 | Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của Ông Nguyễn Văn Hùng theo đơn từ nhiệm. Đồng thời Ông Nguyễn Văn Hùng thôi đại diện phần vốn của Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Công Ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào. |
| | | | Bổ nhiệm Ông Ngô Đức Trung – Phó Tổng Giám đốc Công ty tạm thời làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 thay thế cho Ông Nguyễn Văn Hùng. |
| | | | Bổ nhiệm Ông Ngô Đức Vũ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT |
| | | | Bổ nhiệm Ông Ngô Đức Trung giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT |
| | | | Miễn nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT của Ông Vũ Đình Độ. Ông Vũ Đình Độ tiếp tục tham gia HĐQT với tư cách thành viên HĐQT. |
| 5 | 47/NQ-HĐQT | 30/08/2016 | Miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với bà Nguyễn Thị Ly kể từ ngày 01/09/2016 |
| | | | Miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với Ông Hồ Công Thiện kể từ ngày 01/09/2016. |
| | | | Thành lập phòng kinh doanh miền Bắc từ ngày 01/09/2016. |
| | | | Bổ nhiệm Ông Phạm Thành Thái Lĩnh giữ chức vụ Phó TGD phụ trách kinh doanh và bổ nhiệm một số chức danh trưởng, phó các đơn vị phòng ban. |
| | | | Cử Ông Ngô Đức Vũ đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào. |
| 6 | 50/NQ-HĐQT | 4/10/2016 | Miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với Ông Phạm Thành Thái Lĩnh kể từ ngày 04/10/2016. |

| | | | |
|---|------------|------------|---|
| 7 | 52/NQ-HĐQT | 26/10/2016 | HĐQT nhất trí thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào cho thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào. |
| 8 | 54/NQ-HĐQT | 7/12/2016 | Giải thể CN Công Ty CP Nhựa Tân Phú tại Lao Bảo kể từ ngày 07/12/2016. |
| 9 | 57/NQ-HĐQT | 8/12/2016 | Thành lập Phòng thiết kế sản phẩm và khuôn mẫu Công ty kể từ ngày 12/12/2016. |

14 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD

Công tác chỉ đạo của HĐQT và điều hành của Ban TGD đã tuân thủ đúng các quy định trong Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế làm việc của HĐQT của Công ty, đảm bảo tính thống nhất, đúng trình tự. Các chủ trương trước khi triển khai được các thành viên HĐQT đề xuất, trao đổi, phản biện ý kiến cụ thể để đạt được sự thống nhất cao. HĐQT đã nắm sát tình hình hoạt động của Công ty cũng như các chi nhánh, đơn vị thành viên, đơn vị góp vốn, có ý kiến chỉ đạo cụ thể và tích cực hỗ trợ cho công tác điều hành của TGD. Ban TGD đã triển khai, tổ chức thực hiện đúng, kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết HĐQT.

2. Ý kiến của Ban Kiểm soát:

Năm 2016 đi qua với những sự kiện, diễn biến phức tạp và khó lường của nền kinh tế-chính trị thế giới, nền kinh tế Việt Nam trong đó ngành nhựa cũng gặp nhiều khó khăn. BKS nhận thấy, qua thành công nhiệm vụ tái cấu trúc Công ty, HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện nhiều chủ trương và giải pháp hữu hiệu đã đưa Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD năm 2016. Dấu ấn của HĐQT trong năm là đã định hướng, đưa Công ty hoàn thành mục tiêu chiến lược đề ra; bảo toàn và phát triển, nguồn vốn cho cổ đông, giá trị cổ phiếu tăng nhanh; chia cổ tức 2015 cho cổ đông (18%) vượt chỉ tiêu, tăng được thu nhập cho người lao động.

3. Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Năm 2017 Ban Kiểm soát tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2017; đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác tài chính của Công ty.
- Thẩm định các báo cáo tình hình SXKD, các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2017; thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Điều hành Công ty để trình ĐHĐCĐ cổ đông thường niên.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, hội nghị của Công ty.
- Tham gia lựa chọn công ty độc lập kiểm toán báo cáo tài chính.

15 GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

1. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐHĐCĐ thường niên 2016 đã phê duyệt ngân sách thù lao HĐQT, BKS và thưởng Ban điều hành năm 2016 như sau:

Thù lao HĐQT và BKS

| Khoản mục | Kế hoạch | Thực hiện |
|--------------------|----------------------|--------------------|
| Thù lao HĐQT & BKS | 1.611.629.253 | 361.506.437 |
| Tổng | 1.611.629.253 | 361.506.437 |

- Thù lao HĐQT và BKS: 361.506.437 đồng;

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Cổ phiếu | Tỷ lệ | Cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT | 300.928 | 5.02% | 0 | 0.00% | Chuyển nhượng |
| 2 | Lê Viết Hùng | TGD - Thành Viên | 347.826 | 5.80% | - | 0.00% | Chuyển nhượng |
| 3 | Trịnh Tuấn Việt | Phó CT HĐQT | 109 | 1.82% | - | 0.00% | Chuyển nhượng |
| 4 | Ngô Đức Trung | P.TGD – Phó Chủ tịch | 335.383 | 5.59% | 368.921 | 5.59% | Nhận cổ tức năm 2015 |
| 5 | Nguyễn Thị Ly | P.TGD - Thành Viên | 510.616 | 8.51% | - | 0.00% | Chuyển nhượng |
| 6 | Hồ Công Thiện | P.TGD | 98.077 | 1.63% | 2,010 | 0.03% | Chuyển nhượng |
| 7 | Vũ Đình Độ | Thành viên | 0 | 0 | 99.660 | 1.51% | Nhận chuyển nhượng và cổ tức 2015 |

16 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Dựa theo danh sách cổ đông chốt ngày 8/2/2017

| Loại cổ phần | Số Cổ phần | Tỷ lệ | Mệnh giá (VND) | Tỷ lệ biểu quyết |
|--------------------|------------------|-------------|----------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông | 6.595.151 | 99,9% | 10.000 | 1:1 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 4.400 | 0,1% | 10.000 | 1:0 |
| Tổng cộng | 6.599.551 | 100% | | |

Đối tượng sở hữu

| Đối tượng | Số lượng cổ đông | Tỷ lệ | Cổ phần | Tỷ lệ |
|------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|
| Cổ đông nhà nước | 0 | 0% | 0 | 0% |
| Cổ đông tổ chức | 21 | 4,4% | 4.812.173 | 72,9% |
| Cổ đông cá nhân | 451 | 95,6% | 1.782.978 | 27,1% |
| Tổng cộng | 472 | 100% | 6.599.551 | 100% |

Dựa theo địa lý

| Đối tượng | Số lượng cổ đông | Tỷ lệ | Cổ phần | Tỷ lệ |
|--------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|
| Cổ đông nước ngoài | 9 | 1,9% | 77.982 | 1,1% |
| Cổ đông trong nước | 463 | 98,1% | 6.521.569 | 98,9% |
| Tổng cộng | 472 | 100% | 6.599.551 | 100% |

17
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
NĂM 2016**

Số: 024/2017/BCKTHN-PB.00040

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo

cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 09/03/2016.

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
 – CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 201,324,351,552 | 190,892,963,530 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 13,174,128,340 | 19,336,202,048 |
| Tiền | 111 | | 13,174,128,340 | 18,799,987,763 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 536,214,285 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 167,200,000 | 3,350,000,000 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 399,000,000 | 1,050,000,000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (231,800,000) | (200,000,000) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | 2,500,000,000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 84,995,888,855 | 88,012,428,362 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 64,513,567,054 | 68,293,763,339 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 6,847,861,637 | 15,107,257,378 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 8,610,000,000 | 260,000,000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6.1 | 10,730,976,908 | 4,496,587,870 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.7 | (5,706,516,744) | (164,708,935) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 19,528,710 |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 76,516,309,081 | 65,134,351,304 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 76,551,327,078 | 65,193,680,100 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (35,017,997) | (59,328,796) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 26,470,825,276 | 15,059,981,816 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9.1 | 2,110,197,531 | 911,077,332 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 23,408,607,864 | 13,885,592,497 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.16 | 952,019,881 | 263,311,987 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 175,534,226,510 | 113,473,096,435 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 8,396,104,053 | 7,002,797,928 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.6.2 | 8,396,104,053 | 7,002,797,928 |

| | | | | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 104,561,866,649 | 76,293,920,556 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 36,875,258,313 | 33,167,134,651 |
| Nguyên giá | 222 | | 156,359,915,452 | 135,471,235,317 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (119,484,657,139) | (102,304,100,666) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 5.11 | 61,910,688,094 | 37,185,080,687 |
| Nguyên giá | 225 | | 98,077,522,560 | 61,647,699,400 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (36,166,834,466) | (24,462,618,713) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.12 | 5,775,920,242 | 5,941,705,218 |
| Nguyên giá | 228 | | 7,290,345,218 | 7,353,345,218 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1,514,424,976) | (1,411,640,000) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.13 | 61,657,756,331 | 22,978,684,354 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 61,657,756,331 | 22,978,684,354 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | - | 6,949,807,695 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | 6,949,807,695 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 918,499,477 | 247,885,902 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9.2 | 918,499,477 | 247,885,902 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 376,858,578,062 | 304,366,059,965 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 274,048,462,465 | 213,321,782,330 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 189,939,345,940 | 155,745,278,274 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.14 | 15,649,148,874 | 23,561,735,555 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.15 | 1,325,373,091 | 595,930,321 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.16 | 1,356,470,210 | 3,511,036,468 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 10,160,318,868 | 18,250,590,789 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.17 | 2,896,864,788 | 2,750,070,953 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.18.1 | 1,633,302,572 | 906,695,015 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.19.1 | 156,348,567,044 | 105,562,619,060 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quý khen thưởng và phúc lợi | 322 | | 569,300,493 | 606,600,113 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 84,109,116,525 | 57,576,504,056 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |

| | | | |
|--|------------|--------|------------------------|
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.18.2 | 1,860,801,735 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.19.2 | 82,248,314,790 |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 5.20 | 423,240,800 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 5.21 | 902,078,412 |
| Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 343 | - | - |
| NGUỒN VỐN | | | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 102,810,115,597 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.22 | 102,810,115,597 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 65,995,510,000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411 | | 65,951,510,000 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | 411 | | |
| <i>a</i> | | | 44,000,000 |
| <i>b</i> | | | 44,000,000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 2,039,728,228 |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | (12,572,890) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7,153,195,174 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 1,619,362,595 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 26,002,319,600 |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | 421 | | 6,778,364,471 |
| <i>LNST chưa phân phối năm nay</i> | 421 | | 19,223,955,129 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 684,486,511 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 376,858,578,062 |
| | | | 304,366,059,965 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 501,536,250,525 | 874,387,702,384 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 1,819,760,975 | 2,293,326,426 |
| Doanh thu thuần | 10 | | 499,716,489,550 | 872,094,375,958 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 398,177,942,011 | 755,874,425,784 |

| | | | | |
|---|-----------|------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 101,538,547,539 | 116,219,950,174 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 1,298,452,243 | 1,173,367,259 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.5 | 14,523,596,134 | 14,772,439,925 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 13,698,000,002 | 14,643,824,093 |
| Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh | 24 | 6.6 | (3,385,529,434) | (1,843,862,306) |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.7 | 18,393,357,334 | 28,435,578,952 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.8 | 45,846,868,090 | 52,058,138,677 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20,687,648,790 | 20,283,297,573 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.9 | 619,388,259 | 1,600,983,571 |
| Chi phí khác | 32 | 6.10 | 118,035,381 | 56,591,206 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 501,352,878 | 1,544,392,365 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 21,189,001,668 | 21,827,689,938 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.11 | 2,492,433,719 | 3,967,939,024 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 6.12 | (639,280,860) | 423,240,800 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 19,335,848,809 | 17,436,510,114 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 111,893,680 | 447,679,155 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 62 | | 19,223,955,129 | 16,988,830,959 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.13 | 2,913 | 2,312 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 6.14 | 2,913 | 2,312 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------|-----------------------|-----------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 21,189,001,668 | 21,827,689,938 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 31,592,310,900 | 28,243,136,452 |
| Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) | 03 | 4,647,218,598 | 803,958,015 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (98,158,241) | (161,307,076) |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 2,137,428,128 | 237,397,274 |

| | | | |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí lãi vay | 06 | 13,698,000,002 | 14,643,824,093 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 73,165,801,055 | 65,594,698,696 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (11,906,191,323) | 22,046,062,109 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | (12,496,257,706) | 6,692,188,492 |
| Tăng/ (giảm) các khoản phải trả | 11 | (17,890,639,334) | (5,910,517,444) |
| (Tăng)/ giảm chi phí trả trước | 12 | (2,010,864,297) | 2,512,651,310 |
| (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | 651,000,000 | |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (14,144,354,746) | (14,236,932,066) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3,479,841,891) | (4,278,946,739) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (2,241,276,000) | (2,635,540,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 9,647,375,758 | 69,783,664,358 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (44,752,119,871) | (21,576,788,810) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | 23,999,343,627 | 171,818,182 |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (10,850,000,000) | (2,500,000,000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | 5,000,000,000 | 1,240,000,000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (1,011,920,000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 5,015,239,443 | |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 463,940,751 | 149,162,792 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (21,123,596,050) | (23,527,727,836) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 7,200,580,000 |
| Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu | 32 | - | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 366,145,836,536 | 450,146,889,411 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (331,867,313,426) | (478,411,393,269) |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | (24,345,624,367) | (18,960,711,418) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (4,716,910,400) | (6,950,235,400) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 5,215,988,343 | (46,974,870,676) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | 50 | (6,260,231,949) | (718,934,154) |

80-
 TY
 AN
 A
 PHÚ
 HỒ C

| | | | |
|---|-----------|-----------------------|-----------------------|
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | 19,336,202,048 | 19,928,232,705 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 98,158,241 | 126,903,497 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 13,174,128,340 | 19,336,202,048 |



NGUYỄN NGỌC NHUNG
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THOẠI
Kế toán trưởng




LÊ VIẾT HÙNG
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 vui lòng đọc toàn văn Báo cáo tài chính hợp nhất tại website công ty: <http://www.tanphuplastic.com/583/quan-he-co-dong--thong-tin-tham-chieu>

